TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN PHÚ XUÂN** **THÀNH PHỐ HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 172/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 07/5/2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ XUÂN, THÀNH PHỐ HUẾ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Đạm

2. Bà Trần Thị Thanh Xuân.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Trần Thị Trà My, Thư ký Tòa án nhân dân quận Phú Xuân, thành phố Huế.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Xuân tham gia phiên tòa:* Bà Đoàn Thị Thùy Linh, Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Phú Xuân, thành phố Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 260/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 61/2025/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị Cát T, sinh năm 1998; địa chỉ: Số 16 đường Dương Hòa, phường Tây L, quận Phú X, thành phố Huế (vắng mặt có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn*: Anh Trương Công Đ, sinh năm 1998; địa chỉ: Số 16 đường Dương Hòa, phường Tây L, quận Phú X, thành phố Huế (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai tại Toà án nhân dân quận Phú Xuân, thành phố Huế và tại phiên tòa, nguyên đơn Trần Thị Cát T chị trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Trương Công Đ có thời gian tìm hiểu mới tự nguyện tổ chức đám cưới. Tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tây L, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là phường Tây L, quận Phú X, thành phố Huế) vào 05 tháng 6 năm 2020.

Trong thời gian sống chung anh chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh chị bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã và không hợp nhau về tư tưởng cũng như cách sống. Chị Trần Thị Cát T cảm thấy cuộc sống hôn nhân rơi vào tình

trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và tình cảm giữa hai người không còn nên yêu cầu ly hôn để ổn định cuộc sống. Do bận công việc, chị Tường xin được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Về con chung: Chị Trần Thị Cát T và anh Trương Công Đ có 01 con chung là Trương Cát An Nh, sinh ngày 29/01/2020. Chị Trần Thị Cát T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nh và không yêu cầu anh Trương Công Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị Cát T xác nhận không có.

Ngoài ra chị không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Anh Trương Công Đ là bị đơn vắng mặt không có lý do nên không trình bày ý kiến.

Vụ án không tiến hành hòa giải được nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt và giữ nguyên ý kiến về việc xin ly hôn anh Đại, về nuôi con, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Phú Xuân phát biểu ý kiến và kết luận: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Toà án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền, thủ tục tố tụng. Tuy nhiên, thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án chưa đảm bảo theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ của đương sự tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 80, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T;

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Trương Cát An Nh cho chị T nuôi dưỡng để ổn định cuộc sống cho cháu, về cấp dưỡng nuôi con, chị Trần Thị Cát T không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nên không xem xét;

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T xác nhận không có nên không xem xét;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị Cát T khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với anh Trương Công Đ. Bị đơn anh Trương Công Đ có nơi cư trú tại Số 16 Dương Hòa, phường Tây L, quận Phú X, thành phố Huế. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Phú Xuân theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, chị Trần Thị Cát T có đơn xin vắng mặt; bị đơn anh Trương Công Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Trần Thị Cát T, anh Trương Công Đ.

Mặc dù Tòa án đã triệu tập anh Trương Công Đ đến Tòa án để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật nhưng anh Đ không đến Tòa. Có nghĩa là, bị đơn đã tự tước bỏ quyền phản đối yêu cầu của nguyên đơn đối với mình, tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, nên bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thì: *"Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh".* Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn, lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 58 ngày 05 tháng 6 năm 2020 của Ủy ban nhân dân phường Tây L, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là phường Tây L, quận Phú X, thành phố Huế) cùng lời khai của nguyên đơn về việc tự nguyện kết hôn nên có căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa chị T, anh Đ là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét qua yêu cầu xin ly hôn chị Trần Thị Cát T đối với anh Trương Công Đ. Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở để chấp nhận. Bởi lẽ, trong quá trình chung sống, vợ chồng chị T, anh Đ đã phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã và không hợp nhau về tư tưởng cũng như cách sống. Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình thì "*vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau*" nhưng gia đình chị T, anh Đ không thực hiện được. Tòa án cũng đã triệu tập anh Đ để thực hiện các quyền, nghĩa vụ của bị đơn cũng như đã mở các phiên công khai chứng cứ và hòa giải để tạo cơ hội cho vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng anh Đ không đến tòa, không thể hiện thiện chí hòa giải với chị T. Xét thấy hôn nhân là sự tự nguyện, nay tình trạng mâu thuẫn của đôi bên đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh Đ, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở để chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Tường.

[4] Về con chung: Chị Trần Thị Cát T và anh Trương Công Đ có 01 con chung là Trương Cát An Nh, sinh ngày 29/01/2020. Chị Trần Thị Cát T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nh. Xét thấy, chị T hiện đang nuôi dưỡng cháu Nh. Theo lời trình bày của chị T thì chị có thu nhập ổn định và có thời gian linh động để chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và hiểu được tâm lý phát triển của con gái. Mặt khác, anh Đ vắng mặt trong phiên hòa giải và xét xử. Vì vậy, căn cứ vào Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cũng như sự phát triển của con nên việc giao con chung Trương Cát An Nh cho chị T tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng khi chị T và anh Đ ly hôn là hoàn toàn có cơ sở chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Trần Thị Cát T không yêu cầu anh Trương Công Đ cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị Cát T xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Đối với ý kiến phát biểu tại phiên tòa của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Phú Xuân, thành phố Huế thấy rằng, các ý kiến và đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về hình thức và nội dung là phù hợp quy định của pháp luật, nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị Trần Thị Cát T chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Cát T đối với anh Trương Công Đ.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Cát T được ly hôn với anh Trương Công Đ.

2. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu được nuôi con chung của chị Trần Thị Cát T. Giao cho chị Trần Thị Cát T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cháu Trương Cát An Nh, sinh ngày 29/01/2020. Anh Trương Công Đ chưa thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con.

Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con. Chị T cùng các thành viên trong gia đình không ai được cản trở anh Đ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có

4. Về án phí: Chị Trần Thị Cát T chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí chị Trần Thị Cát T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003373 ngày 03 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Xuân, thành phố Huế). Chị Trần Thị Cát T đã nộp đủ án phí.

5. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo

quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Huế;
- VKSND quận Phú Xuân;
- UBND phường Tây L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Hiền

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Huỳnh Văn Đạm Trần Thị Thanh Xuân Nguyễn Thị Hiền